TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST Ngày: 23/8/2022 V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.
2. Ông Bùi Đức Minh.
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị M**, sinh năm 1993;
ĐKHKTT và nơi cư trú: Xóm 01, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Đức T** – sinh năm 1993;
ĐKHKTT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.
3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc V và bà Bùi Thị Hồng L – (là bố mẹ đẻ anh T);
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Chị M, anh T, ông Viên, bà Lê đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai cùng các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn là chị Hoàng Thị M trình bày và có yêu cầu khởi kiện như sau***:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình vào ngày 26/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống.

Nguyên nhân thứ 2 là do vợ chồng mỗi người sống một nơi. Tuy nhiên, vì con còn nhỏ và được hai bên gia đình động viên hòa giải nên vợ chồng tiếp tục chung sống đến cuối năm 2021. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 3/2022, chị M phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở Hàn Quốc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đức T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Chị Hoàng Thị M và anh Nguyễn Đức T có một con chung là Nguyễn Cát B.A - sinh ngày 16/4/2018. Từ khi anh T đi xuất khẩu lao động nước ngoài, chị M là người trực tiếp nuôi con vì vậy, ly hôn, chị M có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2022 của Tòa án với ông Nguyễn Ngọc V và bà Bùi Thị Hồng L là bố mẹ đẻ anh T trình bày:

Chị M và anh T có quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và khi chung sống có xảy ra mâu thuẫn như chị M trình bày là đúng. Gia đình ông bà có nguyện vọng hòa giải để anh T, chị M quay về đoàn tụ, nuôi dạy con chung. Sau khi ông bà nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, ông bà đã điện thoại trao đổi với anh T, anh T không cung cấp địa chỉ cho ông bà, tuy nhiên anh T có quan điểm nếu trường hợp chị M vẫn cương quyết ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Cháu Nguyễn Cát B.A - sinh ngày 16/4/2018 là con chung của anh T, chị M, do anh T đang trong thời gian đi xuất khẩu lao động nên ông bà và anh T đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu A cho chị M nuôi dưỡng và đồng ý việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh T, xử giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng*:* Anh Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào Văn bản số 12000/QLXNC-P5 ngày 10/6/2022 của Cục xuất nhập cảnh, Bộ công an xác định anh T hiện đang làm việc tại Hàn Quốc nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND xã Tây Ninh, Cục xuất nhập cảnh Bộ công an về việc anh T đã xuất cảnh khỏi

lãnh thổ Việt Nam và hiện nay chưa nhập cảnh về nước, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Ngọc V và bà Bùi Thị Hồng L thừa nhận anh T vẫn liên lạc về gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, biết việc chị M xin ly hôn anh, đã nhận được các văn bản của Tòa án do ông V và bà L thông báo nhưng đến nay anh T vẫn không về tham gia tố tụng, Tòa án đã đảm bảo quyền lợi ích cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, do vậy Tòa án giải quyết vụ án này thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Hoàng Thị M có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị M, anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị M cho rằng anh T không chung thủy. Anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc từ năm 2019 đến nay chưa về nước, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài. Anh T đã biết việc chị M xin ly hôn, qua lời trình bày của bố mẹ đẻ anh T thì do anh T đang làm việc ở nước ngoài nên anh T không về Việt Nam để làm việc với Tòa án và cũng không gửi văn bản ý kiến trực tiếp của mình về cho Tòa án, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị M. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị M, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị M, anh T có một con chung là Nguyễn Cát B.A - sinh ngày 16/4/2018. Ông V và bà L trình bày anh T đồng ý chị M là người trực tiếp nuôi con chung và đồng ý việc chị M không yêu cầu anh cấp dưỡng con chung. Xét thấy, chị M hiện đang sinh sống tại Ninh Bình, chị trực tiếp là người nuôi dưỡng con chung kể từ khi anh T đi nước ngoài. Do đó cần tiếp tục xử giao con chung Nguyễn Cát B.A cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Xử cho chị Hoàng Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Cát B.A - sinh ngày 16/4/2018 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền thăm nom con chung. Chị M, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt, chưa có trình bày về tài sản chung, nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí**:** Chị Hoàng Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005339 ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Đương sự;*
- *UBND xãTây Ninh, H. Tiền Hải, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng